

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG CẨM THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT
V/v triển khai thực hiện các
chính sách thuế theo quy định

Cẩm Thành, ngày tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh,
người nộp thuế trên địa bàn phường.

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Ngãi¹ về việc triển khai các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính²; nhằm hỗ trợ các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, người nộp thuế trên địa bàn nắm bắt kịp thời các thay đổi quan trọng về chính sách thuế. UBND phường Cẩm Thành thông tin đến các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, người nộp thuế trên địa bàn, một số nội dung quan trọng sau:

I. Nội dung quan trọng quy định tại Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

1. Nâng ngưỡng doanh thu không chịu thuế GTGT và không phải nộp thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh từ 500 triệu đồng lên 1 tỷ đồng, cụ thể: Sửa đổi cụm từ “500 triệu đồng” thành “01 tỷ đồng” tại Điều 3, Điều 4, khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 1 và khoản 2 Điều 12, khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về sử dụng hóa đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Đối với trường hợp Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh tại Điều 9 Nghị định 68/2026/NĐ-CP hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trước chưa trên 01 tỷ đồng (trừ trường hợp đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo điểm b khoản này) nhưng trong năm tính thuế có doanh thu trên 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ tính thuế có doanh thu lũy kế trên 01 tỷ đồng.

¹ Công văn số 4614/TCS2-NVDTPC ngày 05/05/2026 về việc triển khai Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026, số 4997/TCS2-NVDTPC ngày 14/5/2026 về việc triển khai Nghị định số 144/2026/NĐ-CP ngày 05/5/2026, số 5256/TCS2-NVDTPC ngày 20/5/2026 về việc triển khai Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026.

² Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ, Nghị định số 144/2026/NĐ-CP ngày 05/5/2026 của Chính phủ, Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ Tài chính.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều địa điểm kinh doanh thì sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cho tất cả các cửa hàng và phải ghi rõ mã địa điểm kinh doanh trên hóa đơn.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống đáp ứng điều kiện và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

3. Bổ sung trường hợp thu nhập được miễn thuế đối với doanh nghiệp:

Bổ sung khoản 15 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có tổng doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu năm làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm trước liền kề.

- Trường hợp doanh nghiệp có thời gian hoạt động của kỳ tính thuế năm trước liền kề dưới 12 tháng thì tổng doanh thu kỳ tính thuế năm trước liền kề được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế đó chia cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế nhân với 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong tháng bất kỳ của kỳ tính thuế năm trước liền kề thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng.

- Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế và dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế không quá 01 tỷ đồng thì doanh nghiệp không phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết thúc kỳ tính thuế, trường hợp tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế vượt mức 01 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định và không phải tính tiền chậm nộp.

- Quy định miễn thuế tại khoản này không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện miễn thuế quy định tại khoản này

4. Quy định về điều khoản chuyển tiếp:

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định mức doanh thu năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ từ 01 tỷ đồng trở xuống mà đã kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng theo quy

định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP thì được xử lý tiền thuế đã nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

-Trường hợp doanh nghiệp đã tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý I năm 2026 mà doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này thì không phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp các quý tiếp theo, được bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

-Trường hợp kỳ tính thuế năm 2025 có thời điểm kết thúc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026 mà doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định này thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết kỳ tính thuế năm 2025. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn thuế của kỳ tính thuế năm 2025 quy định tại khoản này bằng tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2025 chia cho 12 tháng (hoặc số tháng thực tế hoạt động của kỳ tính thuế năm 2025 đối với trường hợp doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2025) và nhân với số tháng của kỳ tính thuế năm 2025 thuộc năm dương lịch 2026. Từ kỳ tính thuế năm 2026 thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định này

II. Nội dung quan trọng quy định tại Nghị định số 144/2026/NĐ-CP ngày 05/5/2026 của Chính phủ.

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT, cụ thể:

- Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 như sau:

3a. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; bảo hiểm các công trình, thiết bị dầu khí, tàu chứa dầu mang quốc tịch nước ngoài do nhà thầu dầu khí hoặc nhà thầu phụ nước ngoài thuê để hoạt động tại vùng biển Việt Nam, vùng biển chồng lấn mà Việt Nam và các quốc gia có bờ biển tiếp liền hay đối diện đã thỏa thuận đặt dưới chế độ khai thác chung.

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 như sau:

đ) Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu, bán chứng chỉ tiền gửi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 14 như sau:

14. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô được quy định tại Danh mục (Phụ lục I, Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định này.

Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh sản phẩm xuất khẩu tại Danh mục (Phụ lục I, Phụ lục II) để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội, định hướng

của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô trong từng thời kỳ, Bộ Công Thương xác định và đề xuất điều chỉnh Danh mục gửi Bộ Tài chính chủ trì, nghiên cứu, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Sửa đổi, bổ sung bổ sung điểm b khoản 1 Điều 9 quy định về giá tính thuế GTGT, cụ thể:

b) Doanh thu hàng hóa, dịch vụ và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; doanh thu hoa hồng môi giới dịch vụ bảo hiểm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 23 quy định về khấu trừ thuế GTGT, cụ thể:

-Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

a) Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng; doanh thu của hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng; giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý (trừ trường hợp giá trị gia tăng âm (-)) và doanh thu của hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 2, Điều 40 của Nghị định này (nếu có).

Riêng doanh thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng; doanh thu của hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán được xác định theo quy định của pháp luật về chứng khoán; doanh thu của hoạt động kinh doanh bảo hiểm được xác định theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

-Bổ sung điểm c vào sau điểm b như sau:

c) Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản này bao gồm cả doanh thu của hàng hóa không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng (nếu có) quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 149/2025/QH15.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 26 quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt trong một số trường hợp đặc thù, cụ thể:

g) Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng. Trường hợp

sau khi điều chỉnh, cơ sở kinh doanh có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Ngoài ra, Nghị định số 144/2026/NĐ-CP ban hành kèm theo danh mục Phụ lục I và Phụ lục II thay thế Danh mục (Phụ lục I, Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

III. Nội dung quan trọng quy định tại Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 của Bộ Tài chính

1. Thay thế Mẫu số 01/TKN-CNKD, Mẫu số 01/CNKD, Mẫu số 01/BĐS, Mẫu số 02/BK-KTBĐS theo danh mục mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC bằng Mẫu số 01/TKN-CNKD, Mẫu số 01/CNKD, Mẫu số 01/BĐS, Mẫu số 02/BK-KTBĐS ban hành kèm theo Thông tư 50/2026/TT-BTC.

2. Bổ sung quy định về thủ tục Thông báo số tài khoản ngân hàng, cụ thể: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống, chưa nộp hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 hoặc chưa gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo quy định tại Thông tư số 18/2026/TT-BTC thì gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC chậm nhất là ngày 31 tháng 7 năm 2026.

Trong quá trình thực hiện nếu còn vướng mắc, đề nghị Người nộp thuế liên hệ đến Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Ngãi (*qua Tổ Quản lý, hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh số 1 (Địa bàn quản lý: Phường Cẩm Thành) - địa chỉ: 05 Duy Tân, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi*) để được hướng dẫn.

UBND phường Cẩm Thành thông báo đến các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, người nộp thuế trên địa bàn để biết và triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thuế cơ sở 2;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Phục vụ HCC phường;
- Trung tâm Cung ứng DVC phường;
- BQL chợ Quảng Ngãi;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, KTHĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Ngô Khánh Phúc